TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1300/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh;

Bà Nguyễn Thị Én.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 696/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 404/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Trúc T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A ấp 1, xã B C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số đường Nguyễn K, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Huỳnh Trúc T trình bày:

Bà T và ông Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/6/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian và sau đó xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ đã được Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông Đ đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó, Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ nhưng ông Đ không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy cuộc sống chung của bà T và ông Đ có nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông Đ

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015.

Giao cho bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông Đ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01 ngày 13/6/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Trúc T và Nguyễn Hoàng Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng và cùng chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và cuộc sống chung không hòa hợp. Tòa án đã triệu tập ông Đ tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông Đ hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông Đ không đến Tòa giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: không ghi nhận được mâu thuẫn.

Từ những nhận định trên, trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Trúc T.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015.

Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015 cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,Bà Tiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Trúc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Trúc T ly hôn ông Nguyễn Hoàng Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91, quyển số 01 ngày 13/6/2015 của Ủy ban nhân dân Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2/ Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015.

Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 03/10/2015 cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Huỳnh Trúc T phải chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011698 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Chinh